

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2018/HS-PT
Ngày 22-11-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tỉnh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Kim Tư

Ông Phạm Kim Cua

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Yến Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Đặng Hữu Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 67/2018/TLPT-HS ngày 23 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo Triệu Văn T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2018/HS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện GT, tỉnh Bến Tre.

Bị cáo có kháng cáo:

Triệu Văn T, sinh năm: 1983 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số 274, ấp 2, xã Phước Long, huyện GT, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 03/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Văn Đ và bà Nguyễn Thị B; vợ: Nguyễn Thị Ph; có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: tốt; bị tạm giữ từ ngày 16/6/2018 đến ngày 19/6/2018 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 13/01/2018, Võ Hoài N nhờ Võ Minh Ph chở bằng xe mô tô và đi cùng với Hồ Thanh Nh đến nhà Triệu Văn T tại ấp Mỹ Chánh 2, xã PL, huyện GT, tỉnh Bến Tre để đòi tiền (vì trước đó T có nợ tiền của N). Lúc này khoảng 14 giờ 40 phút, T đang làm chuồng gà ở phía sau nhà nghe thấy có người đến đòi tiền nên T cầm theo 02 con dao bỏ trốn. Do không

thấy T ở trong nhà nên Nh đi trở ra để tìm T, còn Ph chở N đi về. Khi đến cầu bê tông bắt qua bờ dừa thì cả ba thấy T đang đi bộ ngược chiều nên Ph ngừng xe lại, N xuống xe cùng với Nh đòi tiền T nhưng T nói “tao thiếu tiền từ từ tao trả, tội bây ép tao quá tao chơi tội bây luôn”. Nói xong, T cầm 02 con dao rượt chém Nh và N nhưng không trúng; T liền quay lại rượt chém Phương. Khi đó, Phương bỏ chạy qua cầu bê tông đến bờ dừa thì T rượt kịp rồi hai tay cầm hai con dao chém nhiều nhát vào người Ph gây thương tích. Phương được đưa đi cấp cứu và điều trị tại bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu đến ngày 19/01/2018 thì ra viện.

Tại Bản kết luận giám định pháp y số 75-318/TgT ngày 15/3/2018, Trung tâm pháp y tỉnh Bến Tre kết luận Võ Minh Ph bị: Vết thương chậu hông trái dài khoảng 10cm gãy xương cánh chậu đã lành sẹo kích thước 12cm x 0,3cm; vết thương mặt trước cẳng chân trái dài 05cm đứt gân chày trước; vết thương bàn chân trái dài 06cm đứt gân duỗi ngón 2, 3, 4, 5, hiện 02 vết thương lành sẹo kích thước 08cm x 0,4cm, 09cm x 0,2cm, ngón 2, 3, 4, 5 chưa gập duỗi được và xếp tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 22%.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ vật chứng:

- 01 con dao dài 44cm, cán bằng gỗ tròn dài 16cm, đường kính cán dao 04cm, lưỡi dao bằng kim loại màu đen sắc bén dài 28cm, mũi dao bằng, lưỡi dao rộng nhất 07cm và hẹp nhất 03cm;

- 01 con dao dài 53cm, cán dao bằng gỗ tròn dài 23cm, đường kính cán dao 03cm, lưỡi dao bằng kim loại màu đen sắc bén dài 30cm, mũi dao bằng, lưỡi dao rộng nhất 05cm và hẹp nhất 2,5cm;

- 01 áo thun tay ngắn màu đen hiệu DOLCE GABBANA; trước ngực có hình người và chữ TEKABAY FASHION; trên áo có dính màu đỏ (nghi máu);

- 01 quần Kaki lưng màu xám hiệu BLUE BERRY, lưng quần có kích thước 15,1cm, chiều dài quần 23cm; lưng quần bên trái có vết rách dài 03cm, cách hông trái 01cm, cách lưng quần trái 01cm; túi quần trái có 02 vết rách, vết thứ nhất dài 1,5cm, cách hông trái 03cm, cách lưng quần trái 2,5cm, vết thứ hai dài 1,5cm, cách hông trái 2,5cm, cách lưng quần trái 05cm; túi quần sau bên phải có vết rách dài 2,5cm, cách hông trái 9,5cm, cách lưng quần 3,8cm; phần hông trái và túi quần sau bên trái có dính chất màu nâu đỏ đã khô (nghi máu).

Triệu Văn T bỏ trốn cho đến ngày 16/6/2018 ra đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi cố ý gây thương tích đã thực hiện phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, kết quả khám nghiệm hiện trường, kết quả giám định, vật chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2018/HS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện GT, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Triệu Văn T phạm “Tội cố ý gây thương tích”;

Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt Triệu Văn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án nhưng được trừ 03 (ba) ngày tạm giữ từ ngày 16/6/2018 đến ngày 19/6/2018.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 24/9/2018, bị cáo Triệu Văn T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Triệu Văn T thừa nhận hành vi phạm tội phù hợp nội dung Bản án sơ thẩm và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Triệu Văn T phạm “Tội cố ý gây thương tích” theo quy định tại đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật; mức hình phạt tù đối với bị cáo là tương xứng. Tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết giảm nhẹ mới. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Triệu Văn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về “Tội cố ý gây thương tích”. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bị cáo nói lời sau cùng yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm cho bị cáo được hưởng án treo để đi làm có thu nhập lo cho gia đình và các con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, có cơ sở xác định: Vào khoảng 14 giờ 40 phút ngày 13/01/2018, tại ấp Mỹ Chánh 2,

xã PL, huyện GT, tỉnh Bến Tre, Triệu Văn T đã vô cớ dùng dao sắc bén chém nhiều nhát vào người anh Võ Minh Ph gây tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 22%. Với ý thức, hành vi và hậu quả do bị cáo gây ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Triệu Văn T phạm “Tội cố ý gây thương tích” với các tình tiết định khung tăng nặng “*có tính chất côn đồ*” và “*dùng hung khí nguy hiểm*” theo quy định tại điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Triệu Văn T, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc đến tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo như: bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, nhất thời phạm tội; sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại; hoàn cảnh gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo và có con nhỏ (sinh năm 2018), trong quá trình điều tra bị cáo bỏ trốn nhưng sau đó ra đầu thú, cha bị cáo là người có công với đất nước, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015; bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù là dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, đã có xem xét cho bị cáo. Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp có tính chất côn đồ nên không đủ điều kiện được hưởng án treo. Do vậy, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo giữ nguyên Bản án sơ thẩm như Kiểm sát viên đề nghị là phù hợp.

[4] Về án phí: Đối với án phí sơ thẩm, theo giấy xác nhận hộ nghèo của hộ bà Phạm Thị Tuyết (hộ mẹ vợ bị cáo) không có tên của bị cáo, mà cấp sơ thẩm miễn án phí cho bị cáo là không phù hợp, nhưng cấp phúc thẩm không làm xấu đi tình trạng của bị cáo. Về án phí phúc thẩm bị cáo phải chịu do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Triệu Văn T; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 17/2018/HS-ST ngày 11-9-2018 của Tòa án nhân dân huyện GT, tỉnh Bến Tre;

[1] Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo **Triệu Văn T** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về “Tội cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù, nhưng được trừ 03 (ba) ngày tạm giữ từ ngày 16/6/2018 đến ngày 19/6/2018.

[2] Về án phí: căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: bị cáo Triệu Văn T phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về phân trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Vụ GDKT I – Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện GT (3b);
- Công an và VKSND huyện GT (2b);
- Chi cục THADS huyện GT (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã PL, huyện GT, tỉnh Bến Tre (1b);
- Bị cáo tại ngoại (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (3b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Văn Tỉnh